

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-PT
Ngày 08-02-2023.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;
Ông Phạm Hùng Nuôi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 281/2022/QĐ-PT, ngày 13/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 290/2022/QĐ-PT, ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT, ngày 11/01/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hoa P, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn M: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư của Văn phòng L - Chi nhánh S; Địa chỉ: Số C, Quốc lộ A, khóm A, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P trình bày: Bà Huỳnh Hoa P và bà Huỳnh Thị M có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau, bà M là chủ hụi, bà P là hụi viên, thời gian cụ thể như sau:*

Ngày 25/11/2018 âm lịch bà M mở một dây hụi 1.000.000đ, có 40 phần hụi, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày 25, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng số tiền 500.000đ và thỏa thuận giao tiền hụi hốt được cho hụi viên vào ngày 30. Bà P tham gia 04 phần hụi và hốt 03 phần, còn lại 01 phần hốt vào kỳ thứ 40 là ngày 25/02/2022 âm lịch là mãn hụi nhưng bà M cho rằng bà P đã hốt vào kỳ thứ 39 với số tiền là 31.040.000đ thì bà P cũng thống nhất nhưng bà M chưa giao tiền hụi cho bà P.

Ngày 20/02/2020 âm lịch bà M mở một dây hụi 2.000.000đ, có 30 phần hụi, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày 20 và thỏa thuận giao tiền hụi hốt được cho hụi viên vào ngày 30, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng số tiền 1.000.000đ. Bà P tham gia 02 phần hụi:

Phần hụi thứ nhất bà P hốt vào kỳ mở hụi thứ 26 ngày 20/3/2022 âm lịch với giá 950.000đ, hốt được số tiền 53.150.000đ. Sau khi trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ, trừ 03 kỳ hụi chết của phần hụi này cho đến mãn hụi là 6.000.000đ thì bà M có nghĩa vụ giao cho bà P số tiền hụi là 46.150.000đ. Đến ngày 30/4/2022 âm lịch bà M giao cho bà P số tiền 35.200.000đ, còn thiếu lại 10.950.000đ, việc giao nhận tiền bà M có ký tên trong tờ giấy tập học sinh có ghi nội dung “Hụi tháng 2 triệu khui ngày 20/02/2022-Khui lần thứ 26 ngày 20/2/2022”-ra lời 950.000. nạp ngày 5/3/2022. Số tiền hốt được là 52.150.000 thì nội dung này là chữ viết của bà P còn chữ viết “số tiền nạp 35.200.000.000; đầu thảo ký tên và ghi tên Huỳnh Thị M” là chữ viết và chữ ký của bà M và được lập thành 02 bản bà M giữ 01 bản và bà P giữ 01 bản. Lý do bà M nạp số tiền 35.200.000đ vì bà M cho rằng phần hụi thứ nhất của bà P trong dây hụi này bà P đã hốt xong nên bà M trừ 04 kỳ hụi chết cho đến khi mãn hụi của 02 phần hụi là 16.000.000đ.

Phần hụi thứ 02 bà P góp hụi sống đến kỳ thứ 25 là ngày 20/02/2022 âm lịch được số tiền 50.000.000đ và thống nhất trừ hoa hồng cho bà M 1.000.000đ thì bà M còn nợ 49.000.000đ. Việc bà P góp hụi sống của 02 phần hụi đến kỳ thứ 25 là ngày 20/02/2022 âm lịch thì có ông Nguyễn Văn T đi khui chung nên biết và bà M có ký xác nhận trong tờ giấy tập học sinh có nội dung “2^c-sống hụi hai triệu khui 20/2/2020-20/2/2022 khui lần 25 ra lời 810, đóng 2.380.000 người nhận tiền đầu thảo “nhận tiền tư xía”.

Tổng cộng bà Huỳnh Thị M còn nợ bà Huỳnh Hoa P số tiền hụi của 02 phần hụi đối với dây hụi mở ngày 20/02/2020 âm lịch là 59.950.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị M hoàn trả số tiền hụi là 90.990.000đ và không yêu cầu tính lãi.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:* Bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Hoa P có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau, bà M là chủ hụi, bà P là hụi viên, thời gian cụ thể như sau:

Ngày 25/11/2018 âm lịch bà M mở một dây hụi 1.000.000đ, có 40 phần hụi, hụi mỗi tháng khui một lần vào ngày 25, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng số tiền 500.000đ và thỏa thuận giao tiền hụi hốt được cho hụi viên vào ngày 30. Bà P tham gia 04 phần hụi và hốt 03 phần, còn lại 01 phần hốt vào kỳ thứ 39 ngày 25/02/2022 âm lịch với giá ra là 460.000đ và hốt được số tiền 35.540.000đ, trừ tiền hoa hồng 500.000đ và trừ 04 phần hụi của kỳ hụi thứ 40 thì bà M đã giao đủ cho bà P số tiền 31.040.000đ, việc giao nhận tiền hụi không có làm giấy tờ cũng không có người chứng kiến.

Ngày 20/02/2020 âm lịch bà M mở một dây hụi 2.000.000đ, có 30 phần hụi, mỗi tháng khui một lần vào ngày 20, thỏa thuận giao tiền hụi hốt được cho hụi viên vào ngày 30, hụi có lãi và mỗi kỳ mở hụi bà M được hưởng hoa hồng số tiền 1.000.000đ. Bà P tham gia 02 phần hụi, cụ thể như sau:

Phần hụi thứ nhất bà P hốt vào kỳ mở hụi thứ 08 ngày 20/9/2020 âm lịch với giá 750.000đ, trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ thì bà M đã giao cho bà P đủ số tiền là 41.250.000đ, việc giao nhận tiền không có làm giấy tờ cũng không có người chứng kiến.

Phần hụi thứ hai bà P hốt vào kỳ mở hụi thứ 26 ngày 20/3/2022 âm lịch với giá 950.000đ, trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ và 04 kỳ hụi chết của cả 02 phần hụi cho đến khi mãn hụi là 16.000.000đ thì bà M đã giao cho bà P đủ số tiền là 35.200.000đ, việc giao nhận tiền có làm giấy và bà P đã ký nhận.

Hiện nay giữa bà M và bà P không có nợ hụi với nhau. Bà M khẳng định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ viết và chữ ký của bà M đồng thời tại chứng cứ trong tờ giấy tập học sinh có ghi nội dung “Hụi tháng 2 triệu khui ngày 20/02/2022-Khui lần thứ 26 ngày 20/2/2022”-ra lời 950.000. nạp ngày 5/3/2022. Số tiền hốt được là 52.150.000 thì nội dung này là chữ viết của bà P còn chữ viết “số tiền nạp 35.200.000.000; đầu thảo ký tên và ghi tên Huỳnh Thị M” được lập thành 02 bản bà M giữ 01 bản và bà P giữ 01 bản, bản bà M giữ thì bà M có ghi thêm nội dung “T cộng 51.500 trừ 4 lần 16.000 còn lại 35.500” và nội dung này không có sự xác nhận của bà P. Bà M xác định lý do thực tế bà P đã hốt một phần hụi của dây hụi ngày 20/02/2020 âm lịch vào kỳ thứ 08 tức ngày 20/9/2020 âm lịch nhưng tại chứng cứ là tờ giấy tập học sinh có nội dung “2^c-sống hụi hai triệu khui 20/2/2020-20/2/2022 khui lần 25 ra lời 810, đóng 2.380.000 người nhận tiền đầu thảo “nhận tiền tư xía” bà vẫn thống nhất ký nhận số tiền 2.380.000đ cho 02 phần hụi vì lúc đó bà P phải đóng cho bà M 01 phần chết là 2.000.000đ và 01 phần sống là 1.190.000đ, tổng cộng là 3.190.000đ nhưng bà P nói kẹt tiền chỉ đóng trước 2.380.000đ và nợ lại 810.000đ bà P sẽ đóng sau nên bà M đồng ý ký tên nhận tiền.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Đối với đây hội mở ngày 25/11/2018 âm lịch bà Huỳnh Hoa P tham gia 04 phần, đã hốt 03 phần, còn 01 phần chưa hốt và bà yêu cầu bà Huỳnh Thị M trả nhưng tại phiên tòa bà P xác định cả 03 phần hội hốt trước đó hai bên đều không làm giấy với nhau về việc giao nhận tiền do vậy bà P muốn khởi kiện mấy phần cũng được và căn cứ vào việc bà M đã giao tiền buộc bà M phải chứng minh thì bà M không có nghĩa vụ phải chứng minh. Đối với đây hội mở ngày 20/02/2020 âm lịch, hội 2.000.000đ/tháng, lần hốt hội số 26 là bà P đã nhận tiền, số tiền chênh lệch tôi không bàn cãi còn về phần hội cuối, tôi cho rằng lần hốt thứ 27 là vợ Đ, lần 28 là Bảy P1, lần 29 tiếp tục là Bảy P1, và lần thứ 30 là vợ P2. Như vậy, bà P nói còn một lần nữa bà P chưa hốt là không có căn cứ. Đối với biên nhận, bà P chỉ ghi phần đầu còn đến phần số tiền là bà M ghi, sau đó hai bên đều ký nhận. Đồng thời, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh việc chưa nhận được tiền hội và tất cả các đây hội trên đều không làm giấy tờ, còn người làm chứng ông T cũng xác định hốt lần thứ 25, còn những lần sau đó ai là người hốt thì ông không biết. Như vậy, khẳng định được nguyên đơn đã hốt hết hai phần và không còn phần nào để nguyên đơn hốt nữa. Trên cơ sở phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST, ngày 08/9/2022 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 10/02/2019 của Chính Phủ về họ, hội, biểu, phùng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền hội là 90.990.000 đồng (chín mươi triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23-9-2022, bị đơn Huỳnh Thị M làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm - Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P về việc buộc bị đơn M phải trả số tiền hội cho nguyên đơn P là 90.990.000đ, vì cho rằng đã trả đủ số tiền nêu trên, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất: Phần thứ nhất hốt lần thứ 17 ngày 25/3/2020 bà M đã giao đủ tiền, phần thứ hai hốt lần thứ 30 bà M đã giao đủ tiền, lần thứ ba hốt lần thứ 36, bà M đã giao đủ tiền, phần thứ 4 hốt lần 39, bà M cũng đã giao đủ số tiền theo tính toán là 31.040.000đ.

+ Dây thứ 2: Bà P hốt lần đầu lần thứ 8 ngày 20/9/2020, ra lời 750.000đ, số tiền tôi đã giao đủ cho bà P. Phần thứ 2 bà P hốt lần thứ 26 ngày 20/3/2022 ra lời 950.000đ, số tiền bà P được lãnh là 51.500.000đ, cần trừ 04 lần còn lại của 02 chân chết là 16.000.000đ, số tiền tôi giao cho bà P là 35.500.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn P không rút đơn khởi kiện, bị đơn M không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do bị đơn M không chứng minh được bị đơn M đã giao đủ tiền hui cho nguyên đơn P, nguyên đơn P không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn M. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn M là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể bị đơn M không đồng ý trả cho nguyên đơn P số tiền 90.990.000đ vì cho rằng đã trả đủ số tiền nêu trên cho bà P.

Luật sư của bị đơn M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn M, vì các căn cứ sau:

Các đương sự đều thừa nhận việc chơi hụi không làm giấy tờ, lúc giao tiền hụi các bên cũng không làm giấy tờ. Vì vậy, bà P phải cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà chưa nhận tiền hụi từ bà M.

- Đối với dây hụi thứ nhất: Nguyên đơn thừa nhận đã hốt 03 lần và đã nhận đủ tiền mỗi lần giao nhận đều không làm giấy tờ giao nhận, lần hốt thứ 4 các bên thống nhất số tiền được hốt là 31.040.000đ, chủ hụi đã giao đủ tiền.

- Đối với dây hụi thứ 2: Bà P hốt hụi lần đầu là lần thứ 9 vì năm đó nhuận 02 tháng 3 nên ở cấp sơ thẩm trình bày nhầm là lần thứ 8, vì lần thứ 8 là Huỳnh Tuyết H (tên trong danh sách hụi là Hằng số thứ tự số 7) hốt, bà H có mặt tại phiên tòa phúc thẩm và xác nhận hốt hụi lần thứ 8). Khi bà P hốt hụi lần 02 là lần thứ 26 các bên đã thỏa thuận cản trừ tiền hụi chết, sau khi hốt hụi bị đơn giao cho nguyên đơn số tiền 35.200.000đ các bên cùng ký tên là kết thúc việc chơi hụi giữa các bên. Bà P cho rằng còn 01 chân hụi của dây hụi thứ 02 chưa hốt là không đúng, vì các lần hốt hụi tiếp theo sau lần thứ 26 mà bà P đã hốt là: Lần 27 là vợ Đ, lần 28 là Bảy P1, lần 29 tiếp tục là Bảy P1, và lần thứ 30 là vợ P2 không còn lần nào của bà P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn P không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn M vì cho rằng bị đơn M giao tiền hụi còn thiếu 3 phần với số tiền là 90.990.000đ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn M và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn M, về việc cho rằng bị đơn M đã trả đủ tiền hụi cho nguyên đơn P thì thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn M và nguyên đơn P đều xác nhận:

[3.1] Đối với dây hụi thứ nhất:

Hụi tháng 1.000.000đ, khai ngày 25/11/2018 âm lịch, mần hụi ngày 25/02/2022, hụi gồm 40 phần, nguyên đơn P tham gia chơi 4 phần, nguyên đơn P thừa nhận đã hốt 04 phần: Phần 1: Hốt lần thứ 17; Phần 2: Hốt lần thứ 30; Phần 3: Hốt lần thứ 36; Phần 4: Hốt lần thứ 39 với số tiền là 31.040.000đ.

Nguyên đơn P thừa nhận đã nhận đủ tiền của 03 lần hốt hụi đầu, còn lần thứ 4 được hốt với số tiền là 31.040.000đ nguyên đơn P cho rằng bị đơn M chưa giao tiền hụi 31.040.000đ nên kiện đòi, bị đơn M thì cho rằng đã giao đủ số tiền 31.040.000đ nhưng bị đơn M không chứng minh được có việc nguyên đơn P đã nhận 31.040.000đ từ bị đơn M. Bị đơn M cũng thừa nhận, khi các hụi viên hốt hụi thì bà giao tiền hụi đủ cho các hụi viên nhưng không làm giấy tờ giao nhận tiền hụi. Bị đơn M cũng thừa nhận tất cả các lần giao tiền hụi cho nguyên đơn P không có người trực tiếp chứng kiến.

Do bị đơn M không chứng minh được có việc bị đơn M đã giao tiền hụi của phần thứ 4, hốt vào lần thứ 39 cho nguyên đơn P với số tiền là 31.040.000đ. Vì vậy, cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn M phải trả cho nguyên đơn P số tiền của phần hụi thứ 4 dây hụi thứ nhất là 31.040.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với dây hụi thứ hai:

Hụi tháng 2.000.000đ, khui hụi ngày 20/02/2020 âm lịch, mần hụi 20/7/2022, hụi gồm 30 chân, các đương sự đều thừa nhận nguyên đơn P tham gia chơi 02 phần.

Bị đơn M cho rằng nguyên đơn P đã hốt một phần vào lần thứ 9 và hốt phần thứ 2 vào lần thứ 26 là hết, các bên thỏa thuận kết thúc việc chơi hụi tại giấy giao nhận tiền có nội dung “Số tiền nạp 35.200.000đ” do các bên cùng ký tên.

Nguyên đơn P cho rằng bà đóng hụi sống liên tục từ lần khui hụi đầu tiên đến lần khui hụi thứ 25. Nguyên đơn P cho rằng không hốt phần thứ nhất vào lần thứ 9 và chỉ hốt 01 lần vào lần thứ 26.

Xét lời trình bày của bị đơn M và nguyên đơn P về phần hụi hốt lần thứ 9 thì thấy rằng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/02/2023, người làm chứng Phùng Thị Mộng C (ghi trong danh sách hụi là vợ Đ) trình bày: Bà là người hốt hụi lần thứ 09 chứ không phải nguyên đơn P, bà chỉ chơi có 01 phần hụi nên bà không phải là người hốt phần hụi lần thứ 27 như bị đơn M và Luật sư của bị đơn M trình bày.

- Bị đơn M cho rằng từ lần hốt hụi thứ 10 đến lần hốt hụi thứ 25 thì nguyên đơn P phải đóng 01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết.

- Các đương sự đều thừa nhận lần hốt hụi thứ 25 là do ông Nguyễn Bảo T1 hốt và ông T1 bỏ số tiền lời là 810.000đ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022 (bút lục số 33 và 34), ông Nguyễn Bảo T1 trình bày có nội dung: Ông T1 có tham gia dây hụi mở ngày 20/02/2022 âm lịch với bà Huỳnh Thị M và ông T1 hốt hụi vào kỳ thứ 25 với giá 810.000đ và hốt được 53.950.000đ, kỳ thứ 25 khi ông T1 hốt hụi thì còn lại 05 phần hụi sống là bà Huỳnh Hoa P 02 phần, bà Lương Thị B 02 phần và bà P2 01 phần.

- Bị đơn M thừa nhận chứng cứ là 01 tờ giấy tập học sinh có nội dung “2^c-sống hụi hai triệu khui 20/2/2020-20/2/2022 khui lần 25 ra lời 810, đóng 2.380.000 người nhận tiền đầu thảo “nhận tiền tư xía” (bút lục 28) thì chữ viết là của nguyên đơn P, còn chữ ký và chữ viết “nhận tiền tư xía” là do bị đơn M viết và ký tên. Bị đơn M cho rằng từ lần hốt hụi thứ 10 đến lần hốt hụi thứ 25 thì nguyên đơn P đóng 01 phần hụi sống và 01 phần hụi chết. Ông T1 hốt hụi lần thứ 25 ra tiền lời 810.000đ. Như vậy, số tiền nguyên đơn P phải đóng cho bị đơn M phải là: 2.000.000đ (hụi chết) + 1.190.000đ (hụi sống) = 3.190.000đ nhưng bị đơn M lại ký tên xác nhận số tiền nguyên đơn P phải đóng lần thứ 25 là 2.380.000đ đúng với số tiền 02 chân hụi sống mà nguyên đơn P phải đóng cho lần hốt hụi lần thứ 25 của ông T1. Như vậy, việc bị đơn M cho rằng từ lần thứ 10 đến lần thứ 25 nguyên đơn P phải đóng 01 chân hụi sống và 01 chân hụi chết là không có cơ sở để chấp nhận.

Nguyên đơn P cho rằng bà đóng hụi lần thứ 25 cho ông T1 là đóng 02 phần hụi sống. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn P là có căn cứ nên được chấp nhận, vì phù hợp với số tiền bà P phải đóng lần thứ 25 cho ông T1, cụ thể là: (Hụi

sống) 2.000.000đ/phần – 810.000đ (số tiền hội viên bỏ lời) x 2 phần hội sống = 2.380.000đ, đúng bằng với số tiền do bị đơn M ký tên thừa nhận tại chứng cứ là: Tờ giấy tập học sinh có nội dung “2^c-sống hội hai triệu khui 20/2/2020-20/2/2022 khui lần 25 ra lời 810, đóng 2.380.000 người nhận tiền đầu thảo “nhận tiền tư xía” (bút lục 28).

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận: Đến lần khui hội thứ 25 do ông T1 hốt, nguyên đơn Phượng vẫn còn 02 phần hội sống.

[3.3] *Đối với số tiền giao nhận của lần hốt hội thứ 26:*

Các đương sự đều thừa nhận, nguyên đơn P hốt một phần hội vào lần thứ 26, ngày 20/3/2022 ra lời 950.000đ.

- Bị đơn M cho rằng: Số tiền nguyên đơn P được lãnh lần thứ 26 là: (24 chết x 2.000.000đ/phần) + (4 sống x 1.050.000đ) – 1.000.000đ (tiền hoa hồng của chủ hội) = 52.200.000đ, cần trừ 04 lần còn lại của 02 chân chết là 16.000.000đ, số tiền bà M giao cho bà P là 35.200.000đ theo giấy giao nhận tiền các bên đã ký là đủ tiền hội và kết thúc việc chơi hội giữa các bên.

- Bà P cho rằng: Số tiền bà được hốt là 53.150.000đ. Sau khi trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ, trừ 03 kỳ hội chết của phần hội này cho đến mãn hội là 6.000.000đ thì bà M có nghĩa vụ giao cho bà P số tiền hội là 46.150.000đ. Ngày 30/4/2022 âm lịch bà M giao cho bà P số tiền 35.200.000đ, các bên có làm biên nhận. Vì vậy, bà M còn thiếu bà P số tiền của phần hội này là: 46.150.000 đồng - 35.200.000 đồng = 10.950.000đ.

Xét ý kiến trình bày của các đương sự về số tiền của phần hội hốt lần thứ 26 thì thấy rằng:

Như đã phân tích tại mục [3.2] số tiền hội bị đơn M phải giao cho nguyên đơn P đối với phần hội hốt lần thứ 26 phải là: Phần hội này gồm 30 phần, hốt lần thứ 26 thì sẽ có 25 phần hội chết và 04 phần sống (trong đó bà P còn 01 phần hội sống). Số tiền thực lãnh của bà P đối với phần hội này là: 25 phần chết x 2.000.000đ/phần + 3 phần sống x 1.050.000đ = 53.150.000đ. C1 chủ hội 1.000.000đ, tiền hội chết 03 lần của phần hội này là 6.000.000đ. Số tiền được lãnh là: 53.150.000đ - (1.000.000đ + 6.000.000đ) = 46.150.000đ. Bà M đã giao cho bà P số tiền 35.200.000đ. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bà M phải tiếp tục trả cho bà P số tiền hội còn lại là: 46.150.000đ - 35.200.000đ = 10.950.000đ là có căn cứ như đã phân tích nêu trên.

Bị đơn M cho rằng sau khi nguyên đơn P hốt hội phần thứ 2 vào lần thứ 26, các bên thỏa thuận kết thúc việc chơi hội tại giấy giao nhận tiền có nội dung “Số tiền nạp 35.200.000đ” do các bên cùng ký tên. Xét thấy, giấy giao nhận tiền nêu trên không có nội dung nào thể hiện các đương sự thỏa thuận kết thúc việc chơi hội giữa các bên và nguyên đơn P không thừa nhận giấy giao nhận tiền nêu trên là thỏa thuận kết thúc việc chơi hội giữa các bên như bị đơn M trình bày. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn M và Luật sư của bị đơn M cho rằng giấy giao nhận số tiền 35.200.000đ là kết thúc việc chơi hội giữa các bên.

Như đã phân tích tại mục [3.2] phần hội thứ 02 nguyên đơn P chưa hốt. Các đương sự đều thừa nhận: Sau khi nguyên đơn P hốt hội lần thứ 26, thì các bên không còn giao nhận tiền hội với nhau. Nguyên đơn P cho rằng: Sau khi bà hốt hội lần thứ 26 thì bà M không thu tiền của phần thứ 2 còn lại và cũng không giao tiền hội sống mà bà đã đóng được 25 lần trước đó nên bà kiện đòi. Như vậy, số tiền hội sống của phần thứ 2 được tính cụ thể là: 25 lần x 2.000.000đ/lần = 50.000.000đ trừ tiền công chủ hội 1.000.000đ, số tiền bị đơn M phải trả cho nguyên đơn P của phần hội thứ hai của dây hội thứ hai là 50.000.000đ - 1.000.000đ = 49.000.000đ. Cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn M phải trả cho nguyên đơn Phụng 49.000.000đ của phần hội thứ 02 của dây hội thứ 02 là có căn cứ pháp luật như đã viện dẫn nêu trên.

Bị đơn M kháng cáo cho rằng, đã giao đủ tiền hội cho nguyên đơn P đối với 03 phần hội mà nguyên đơn đang kiện đòi, với tổng số tiền là 90.990.000đ nhưng bị đơn M và Luật sư của bị đơn M không chứng minh được bị đơn M đã giao đủ tiền hội cho nguyên đơn P, trong khi nguyên đơn P không thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn M.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, phù hợp với các căn cứ và phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn M không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Huỳnh Thị M.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ

luật dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; Điều 15, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 10/02/2019 của Chính Phủ về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà P số tiền hụi là 90.990.000 đồng (chín mươi triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Huỳnh Hoa P có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Huỳnh Thị M phải trả lãi cho bà P theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị M phải chịu 4.549.500 đồng (bốn triệu, năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Huỳnh Hoa P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

II- Về án phí phúc thẩm: Buộc bị đơn Huỳnh Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0004528 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung